

Số: **392**/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **02** tháng **3** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia
gắn với bản đồ số**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước 2022;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, các cơ quan truyền thông, báo chí thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Cục: BC, PTT&TTĐT, TTCS, TTĐN (để t/h);
- Trung tâm Thông tin (để t/h);
- Báo VietNamNet (để t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Cục CNTT và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TTTT các tỉnh, TP;
- Lưu: VT, QLDN(5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Anh Tuấn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số
(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số (sau đây gọi tắt là “Nền tảng địa chỉ số quốc gia”) với cấu trúc quy định tại Phụ lục I nhằm thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.

- Hoàn thành chỉ tiêu về địa chỉ số trong các chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Yêu cầu

- Triển khai quyết liệt “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” và “Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số”.

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các bên để triển khai Kế hoạch: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số và các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số.

- Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội.

3. Đối tượng tham gia Kế hoạch

3.1. Các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

- Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch: Vụ Quản lý doanh nghiệp.

- Các đơn vị tổ chức truyền thông cho Kế hoạch: Trung tâm thông tin, Cục Thông tin cơ sở, Cục Báo chí, Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, Cục Thông tin đối ngoại, Báo Vietnamnet, Tạp chí Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, phát triển nền tảng: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;

b) Mời các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.

- Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

3.2. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan.

b) UBND các quận, huyện, thị xã.

c) UBND các xã, phường, thị trấn.

3.3. Doanh nghiệp tham gia Kế hoạch

a) Doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số: Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Bưu điện Việt Nam).

b) Các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số.

3.4. Các đối tượng ứng dụng, khai thác

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1.1. Thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật, website và ứng dụng di động (cả Android và IOS) cho Nền tảng địa chỉ số để người dân và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể tham gia khai báo, tạo lập, tra cứu và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số.

1.2. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nền tảng Bản đồ số để tích hợp với hệ thống nền tảng địa chỉ số quốc gia. Cập nhật, bổ sung dữ liệu giao thông phục vụ nền tảng Bản đồ số.

1.3. Xây dựng hệ thống, công cụ, phần mềm, ứng dụng di động (mobile

app) để thu thập, cập nhật, chuẩn hóa CSDL địa chỉ số và cung cấp dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

1.4. Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

2. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia

2.1. Tạo lập CSDL địa chỉ số quốc gia thống nhất để triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với nền tảng Bản đồ số. Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất quản lý và giao Bưu điện Việt Nam cập nhật, vận hành CSDL địa chỉ số quốc gia.

2.2. CSDL địa chỉ số quốc gia phải có cấu trúc phù hợp với cấu trúc nền tảng địa chỉ số tại Phụ lục I và phân loại đối tượng được gán địa chỉ số tại Phụ lục II Kế hoạch này. Dữ liệu địa chỉ số bao gồm các trường thông tin cơ bản và nâng cao quy định tại mục 2.2 Phụ lục I của kế hoạch này.

2.3. Các địa phương phối hợp với Bưu điện Việt Nam thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia. Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản. Khuyến khích Bưu điện Việt Nam và các địa phương phối hợp thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

3. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

3.1. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

3.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

3.3. Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v....

3.4. Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

4. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

4.1. Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

a) Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

b) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể);

c) Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

4.2. Hình thức thông báo: việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: qua chính quyền xã, thôn, khối phố; qua tổ công nghệ cộng đồng; gặp trực tiếp; hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

4.3. Gắn biển địa chỉ số:

a) Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh, thành phố theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Khuyến khích các địa phương triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hoá, hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của từng địa phương.

5. Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

5.1. Xây dựng các tiêu chí kỹ thuật của nền tảng địa chỉ số: gồm tiêu chí kỹ thuật, yêu cầu chức năng, tính năng của nền tảng, hiệu năng hoạt động, khả năng đáp ứng phục vụ số lượng lớn người dùng, chất lượng dịch vụ của nền tảng, khả năng nâng cấp, mở rộng của nền tảng, yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng, và các yêu cầu kỹ thuật khác;

5.2. Xây dựng các tiêu chí đối với nền tảng số quốc gia: như số địa chỉ thu thập, tạo lập trong CSDL, số người sử dụng nền tảng, số lượt truy vấn nền tảng/ngày, và các tiêu chí khác đối với nền tảng số quốc gia.

5.3. Tổ chức hội đồng hoặc nhóm chuyên gia thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận, chứng nhận đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số quốc gia theo kết quả đánh giá.

5.4. Tổ chức Lễ công bố Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

6. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

6.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, địa phương; Giới thiệu

chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; Vinh danh tổ chức, doanh nghiệp điển hình phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số; Các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

6.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình và qua mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; Xây dựng, tổng hợp và cung cấp thông tin cho báo chí, truyền thông để tuyên truyền, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; Tổ chức các chiến dịch truyền thông, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; Truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; Thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

6.3. Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia; Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

*(Chi tiết phân công thực hiện một số nhiệm vụ năm 2022
tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

1.1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch:

Giao Vụ Quản lý doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- a) Là cơ quan đầu mối điều phối chung việc phát triển, triển khai Kế hoạch.
- b) Hướng dẫn các địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia tại địa phương.
- c) Tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch.
- d) Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số quốc gia.
- đ) Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, duy trì và khai thác CSDL địa chỉ số quốc gia.
- e) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tại các điểm 5.3, 5.4 khoản 5, điểm 6.3 khoản 6, mục II của Kế hoạch.
- g) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này và các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ.

1.2. Công tác truyền thông, thông tin

- a) Giao Trung tâm thông tin tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về

nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Giao Cục Thông tin cơ sở, Cục Báo chí, Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử, Cục Thông tin đối ngoại, Trung tâm thông tin, Báo Vietnamnet, Tạp chí Thông tin và Truyền thông:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số quốc gia với các nội dung quy định khoản 6, mục II Kế hoạch này phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc đề nghị của cơ quan đầu mối điều phối phát triển nền tảng.

2. Mời Bộ Tài nguyên và Môi trường tham gia Kế hoạch

2.1. Phối hợp UBND các tỉnh/TP cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số, nền tảng địa chỉ số quốc gia.

2.2. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để tích hợp Nền tảng bản đồ số và Nền tảng địa chỉ số quốc gia để phát triển các giải pháp, nền tảng số “Make in Viet Nam” phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2.3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ với đơn vị đầu mối của Bộ TTTT, các địa phương và các doanh nghiệp phát triển nền tảng để thúc đẩy sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

3. Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

3.1. Chủ trì, phối hợp với Bưu điện Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ tại điểm 2.3, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 mục II Kế hoạch này. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan, căn cứ Kế hoạch này xây dựng, trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia tại địa phương.

3.2. Chủ động chủ trì hoặc phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số và doanh nghiệp nền tảng bản đồ số để thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch. Ưu tiên bố trí nguồn lực tại địa phương để tổ chức triển khai Kế hoạch.

3.3. Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ. Chủ động thiết kế mẫu biển địa chỉ số phù hợp đặc thù tại địa phương trên cơ sở mẫu chung do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoặc sử dụng mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định để

hướng dẫn cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ tự gắn biển địa chỉ số theo nhu cầu.

3.4. Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương quản lý và qua hệ thống truyền thanh cơ sở về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

3.5. Chủ trì, phối hợp với Doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số (được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này).

3.6. Tùy theo nhu cầu quản lý, khai thác tại địa phương, chủ trì, phối hợp doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.

4. Các doanh nghiệp tham gia vào Kế hoạch

4.1. Doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia (Bưu điện Việt Nam)

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại: các khoản 1, 2, 3; các điểm 5.1, 5.2, khoản 5 mục II Kế hoạch này; Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 4, các điểm 5.3, 5.4 khoản 5, và khoản 6 mục II Kế hoạch này.

b) Xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp; báo cáo kế hoạch với Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Bố trí nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, vận hành, phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản của Nền tảng địa chỉ số (tra cứu, tạo địa chỉ số, đăng ký địa chỉ số, xác thực địa chỉ số) và cung cấp dịch vụ nâng cao của Nền tảng địa chỉ số (chỉ đường, dẫn đường đến địa chỉ số).

d) Chủ trì, phối hợp UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu thập các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này) và bổ sung các địa chỉ số mới (nếu có) để tạo lập CSDL địa chỉ số quốc gia.

đ) Xây dựng phương án truyền thông về Nền tảng địa chỉ số để chủ địa chỉ, người đang sử dụng, khai thác địa chỉ biết, sử dụng, tạo thói quen sử dụng địa chỉ số trong xã hội.

e) Xây dựng quy trình cấp tài khoản người dùng: khai báo, tạo lập, xác thực địa chỉ.

g) Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số tích

hợp với Nền tảng địa chỉ số.

h) Phối hợp UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Nền tảng địa chỉ số tại địa phương.

i) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc đề nghị của cơ quan đầu mối điều phối phát triển nền tảng.

k) Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu có báo cáo gửi Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

4.2. Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số tham gia kế hoạch

a) Doanh nghiệp bản đồ số Việt Nam có nhu cầu tham gia Kế hoạch này gửi đăng ký tham gia Kế hoạch tới Bộ Thông tin và Truyền thông (Qua Vụ Quản lý doanh nghiệp) để tham gia cùng khai thác, sử dụng CSDL địa chỉ số, nền tảng địa chỉ số quốc gia nhằm phát triển bản đồ số quốc gia, bản đồ số chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số chủ động xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng bản đồ số của doanh nghiệp; báo cáo Kế hoạch với Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Bố trí nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, vận hành, phát triển, truyền thông Nền tảng bản đồ số.

d) Phối hợp với doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số để tích hợp nền tảng bản đồ số.

đ) Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu, có báo cáo gửi Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Thông tin và Truyền thông.

e) Phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai sử dụng, khai thác Nền tảng bản đồ số tại địa phương.

g) Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo đề nghị của cơ quan đầu mối điều phối phát triển nền tảng.

h) Định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu có báo cáo gửi Vụ Quản lý doanh nghiệp - Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

PHỤ LỤC I
CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ
(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Cấu trúc địa chỉ số

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

Cấu trúc địa chỉ số

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|

Mã khu vực

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

Mã mở rộng

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số

của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Toà nhà xxx).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

PHỤ LỤC II

PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Quyết định số **392**/QĐ-BTTTT ngày **02** tháng **3** năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

2. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:* (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác. , cơ quan chuyên môn của nhà nước,

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

4. *Cơ sở giáo dục, đào tạo:* (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. *Cơ sở y tế, dược phẩm:* (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ

sở/trung tâm chăm sóc sức khỏe, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khỏe khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chúng, môi giới, quảng cáo: phòng công chúng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, ...

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoá táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và

hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng¹ không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

VI. Các đối tượng khác

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi, ...).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

¹ Tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Thong-tu-06-2021-TT-BXD-phan-cap-cong-trinh-xay-dung-480818.aspx>

PHỤ LỤC III
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số **392** /QĐ-BTTTT ngày **02** tháng **3** năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022:

1. Chỉ tiêu chung cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số:

- 1.1. 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.
- 1.2. 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

2. Chỉ tiêu riêng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- 2.1. Mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

3. Chỉ tiêu riêng cho doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số:

- 3.1. Tối thiểu có 1.000.000 (một triệu) truy vấn địa chỉ số/tháng.
- 3.2. Cung cấp dịch vụ, nền tảng địa chỉ số cho ít nhất 02 doanh nghiệp bên ngoài khai thác sử dụng.

B. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH:

| Stt | Nội dung | Đơn vị chủ trì | Thời gian hoàn thành |
|----------|--|--|----------------------|
| I | Xây dựng các Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số | Vụ Quản lý doanh nghiệp | Tháng 3/2022 |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại địa phương | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tháng 3/2022 |

| Stt | Nội dung | Đơn vị chủ trì | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|-------------------------------------|----------------------------|
| 3 | Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp | Bưu điện Việt Nam | Tháng 3/2022 |
| II | Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số | | |
| <i>1</i> | <i>Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật</i> | | |
| a | Thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật, website và ứng dụng di động Nền tảng địa chỉ số | Bưu điện Việt Nam | Tháng 3/2022 |
| b | Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nền tảng Bản đồ số để tích hợp với hệ thống nền tảng địa chỉ số quốc gia. Cập nhật, bổ sung dữ liệu giao thông phục vụ nền tảng Bản đồ số | Bưu điện Việt Nam | Tháng 4/2022 |
| c | Xây dựng hệ thống, công cụ, phần mềm, ứng dụng di động (mobile app) để thu thập, cập nhật, chuẩn hóa CSDL địa chỉ số và cung cấp dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số | Bưu điện Việt Nam | Tháng 4/2022 |
| d | Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số. | Bưu điện Việt Nam | Tháng 5-6/2022 |
| <i>2</i> | <i>Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia</i> | | |
| a | Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II) | Bưu điện Việt Nam / Tỉnh, thành phố | Tháng 4-6 năm 2022 |
| b | Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II) | Tỉnh, thành phố / Bưu điện Việt Nam | Tháng 4-9 năm 2022 |
| 3 | Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số | | |

| Stt | Nội dung | Đơn vị chủ trì | Thời gian hoàn thành |
|----------|--|--|----------------------|
| a | Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác | Bưu điện Việt Nam / Tỉnh, thành phố | Tháng 3-12 năm 2022 |
| b | Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp | Bưu điện Việt Nam / Tỉnh, thành phố | Tháng 3-12 năm 2022 |
| c | Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v.... | Bưu điện Việt Nam / Tỉnh, thành phố / Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số | Tháng 3-12 năm 2022 |
| d | Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác. | Bưu điện Việt Nam / Tỉnh, thành phố / Doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số | Tháng 3-12 năm 2022 |
| 4 | Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số | | |
| a | Thiết kế, đề xuất các mẫu Biển địa chỉ số | Bưu điện Việt Nam | Tháng 3-4 năm 2022 |
| b | Trình phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của Bộ Thông tin và Truyền thông | Vụ Quản lý doanh nghiệp | Tháng 4-5 năm 2022 |
| c | Thiết kế, phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh, thành phố (trường hợp không dùng mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông) | Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tháng 4-5 năm 2022 |
| d | Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ | Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tháng 4-5 năm 2022 |
| đ | Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được | Tỉnh, thành phố trực thuộc | Tháng 5-12 năm |

| Stt | Nội dung | Đơn vị chủ trì | Thời gian hoàn thành |
|----------|--|---------------------------------------|----------------------|
| | gán địa chỉ | Trung ương | 2022 |
| e | Thúc đẩy triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II) | Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tháng 5-12 năm 2022 |
| 5 | Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số quốc gia | | |
| a | Xây dựng, đề xuất các tiêu chí kỹ thuật của nền tảng địa chỉ số: gồm tiêu chí kỹ thuật, yêu cầu chức năng, tính năng của nền tảng, hiệu năng hoạt động, khả năng đáp ứng phục vụ số lượng lớn người dùng, chất lượng dịch vụ của nền tảng, khả năng nâng cấp, mở rộng của nền tảng, yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng, và các yêu cầu kỹ thuật khác | Bưu điện Việt Nam | Tháng 4/2022 |
| b | Xây dựng, đề xuất các tiêu chí đối với nền tảng số quốc gia: như số địa chỉ thu thập, tạo lập trong CSDL, số người sử dụng nền tảng, số lượt truy vấn nền tảng/ngày, và các tiêu chí khác đối với nền tảng số quốc gia | Bưu điện Việt Nam | Tháng 5/2022 |
| c | Thẩm định, trình phê duyệt các tiêu chí đối với nền tảng số quốc gia đối với nền tảng địa chỉ số | Vụ Quản lý doanh nghiệp | Tháng 6/2022 |
| d | Tổ chức hội đồng hoặc nhóm chuyên gia thực hiện đánh giá và triển khai các thủ tục công nhận, chứng nhận đạt yêu cầu Nền tảng địa chỉ số quốc gia (theo kết quả đánh giá) | Vụ Quản lý doanh nghiệp | Tháng 7/2022 |
| đ | Tổ chức Lễ công bố Nền tảng địa chỉ số quốc gia (nếu đạt yêu cầu) | Vụ Quản lý doanh nghiệp | Tháng 8/2022 |
| 6 | Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và kết quả triển khai Kế hoạch | | |

| Stt | Nội dung | Đơn vị chủ trì | Thời gian hoàn thành |
|-----|--|--|----------------------|
| a | Tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông | Trung tâm thông tin | Tháng 3/2022 |
| b | Tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, đài truyền hình | Cục Báo chí, Cục PTTT & TTĐT / Tỉnh, thành phố | Tháng 3-12 năm 2022 |
| c | Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở | Cục Thông tin cơ sở / Tỉnh, thành phố | Tháng 3-12 năm 2022 |
| d | Truyền thông qua kênh thông tin đối ngoại | Cục Thông tin đối ngoại / Tỉnh, thành phố | Tháng 3-12 năm 2022 |
| đ | Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia; Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia | Vụ Quản lý doanh nghiệp / Tỉnh, thành phố | Tháng 4-12 năm 2022 |
| 7 | Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý, duy trì và khai thác CSDL địa chỉ số quốc gia | Vụ Quản lý doanh nghiệp / Bưu điện Việt Nam | Tháng 7-8 năm 2022 |
| 8 | Chủ trì, phối hợp doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành. | Tỉnh, thành phố | Tháng 4-12 năm 2022 |